

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẢO LỘC  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2020/DS-ST

Ngày: 24/4/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay  
tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Qui.*

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Văn
2. Ông Hoàng Xuân Ty

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc tham gia phiên tòa:  
Ông Trần Văn Tuấn – Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 24 tháng 04 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị Tuyết N**, sinh năm 1960

Địa chỉ: đường L, xã L, thành phố B, tỉnh L. (có mặt)

+ **Bi đơn:** Ông **Nguyễn Quốc H**, sinh năm 1971 và bà **Vũ Thị Minh T**, sinh năm 1981

Địa chỉ: đường L, thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh L. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

+ *Tại đơn khởi kiện ngày 05/4/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết N trình bày:*

Do là hàng xóm với nhau, bà có cho ông H, bà T vay tiền nhiều lần, cụ thể: ngày 09/5/2018 bà cho ông H, bà T vay số tiền 200.000.000đ, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng; ngày 01/02/2019 bà cho ông H, bà T vay số tiền 175.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng; ngày 28/02/2019 bà cho ông H, bà T vay số tiền 88.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng; đến hạn ông H, bà T xin hoãn nhiều lần nH đến nay vẫn chưa trả, đối với số tiền vay 200.000.000đ ngày 09/5/2018 thì ông H, bà T đã được 05 tháng tiền lãi, ngoài ra không trả khoản tiền lãi nào. Nay bà yêu cầu ông H, bà T trả cho bà số tiền vay gốc là 463.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi ba triệu đồng), về chi phí giám định là 5.100.000đ (Năm triệu một trăm nghìn đồng) và chi phí

đăng tin là 3.944.000đ đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Ngày 26/02/2020 Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết N, buộc ông Nguyễn Quốc H, bà Vũ Thị Minh T trả cho bà Trần Thị Tuyết N số tiền vay gốc là 463.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi ba triệu đồng). Về án phí buộc bị đơn phải chịu 22.520.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Trần Thị Tuyết N khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn là ông Nguyễn Quốc H, bà Vũ Thị Minh T, cư trú tại địa chỉ: đường L, thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh L. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về pháp luật nội dung: Bà Trần Thị Tuyết N và ông Nguyễn Quốc H, bà Vũ Thị Minh T đã giao kết hợp đồng vay tài sản vào năm 2018, 2019 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 463.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi ba triệu đồng), thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa và chứng cứ là các giấy mượn tiền có trong hồ sơ thể hiện bà Trần Thị Tuyết N có cho ông Nguyễn Quốc H bà Vũ Thị Minh T vay tiền nhiều lần cụ thể: vào ngày 09/5/2018 bà cho ông H, bà T vay số tiền 200.000.000đ; ngày 01/02/2019 bà cho ông H, bà T vay số tiền 175.000.000đ, ngày 28/02/2019 bà cho ông H, bà T vay số tiền 88.000.000đ, tổng cộng ba lần vay là 463.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi ba triệu đồng). Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành gửi thông báo thụ lý cho ông H, bà T qua đường bưu điện theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp được ghi trong giấy vay tiền, qua xác minh tại địa phương thì ông H, bà T bỏ địa phương đi từ tháng 06 năm 2019. Để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn Tòa án đã tiến hành đăng tin thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Nguyễn Quốc H, bà Vũ Thị Minh T và giám định chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Quốc H, bà Vũ Thị Minh T đối với các chứng cứ là các giấy vay tiền mà nguyên đơn cho rằng chính bị đơn là ông Nguyễn Quốc H, bà Vũ Thị Minh T viết, ký; Tại kết luận giám định số 1621/GĐ-PC09 ngày 15/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng là do ông Nguyễn Quốc H, bà

Vũ Thị Minh T ký và viết ra. Như vậy, việc vay nợ giữa bà Trần Thị Tuyết N và ông Nguyễn Quốc H, bà Vũ Thị Minh T theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết N là có thật, cần buộc ông Nguyễn Quốc H, bà Vũ Thị Minh T có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Tuyết N số tiền vay gốc là 463.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi ba triệu đồng)

[4] Chi phí tố tụng và chi phí khác:

[4.1] Chi phí giám định chữ viết là 5.100.000đ (Năm triệu một trăm nghìn đồng) do yêu cầu khởi kiện của bà N được chấp nhận nên căn cứ các Điều 161, 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự; ông H, bà T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Bà N đã nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng nên buộc ông H, bà T có trách nhiệm trả cho bà N số tiền 5.100.000đ (Năm triệu một trăm nghìn đồng) chi phí này là phù hợp quy định của pháp luật.

[4.2] Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.944.000đ (Ba triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) do người yêu cầu là bà Trần Thị Tuyết N chịu, bà Trần Thị Tuyết N đã nộp đủ.

[5] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên, đã có đủ cơ sở kết luận: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết N về việc: “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”.

[7] Về án phí: Yêu cầu của bà N được chấp nhận. Buộc ông H, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết N. Buộc ông Nguyễn Quốc H, bà Vũ Thị Minh T có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Tuyết N số tiền vay gốc là 463.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi ba triệu đồng)

2. Về chi phí tố tụng:

Chi phí giám định: Buộc ông Nguyễn Quốc H, bà Vũ Thị Minh T có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Tuyết N tiền chi phí giám định chữ viết là 5.100.000đ (Năm triệu một trăm nghìn đồng).

Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.944.000đ (Ba triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) bà Trần Thị Tuyết N đã nộp đủ.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015*

3. Về án phí:

Bà Trần Thị Tuyết N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.260.000đ (Mười một triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0005360 ngày 22/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc.

Ông Nguyễn Quốc H, bà Vũ Thị Minh T phải chịu là 22.520.000đ (Hai mươi hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + VKSND TP. Bảo Lộc;
- + T.H.A Bảo Lộc;
- + Các đương sự;
- + Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Qui.**